

Số: *4326* /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể thủy lợi vùng Đông Nam Bộ
giai đoạn đến 2030 và định hướng đến năm 2050
thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 943/QĐ-TTg ngày 20/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể thủy lợi vùng Đông Nam Bộ giai đoạn đến 2030 và định hướng đến năm 2050 thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng với các nội dung chính như sau:

I. PHẠM VI

Vùng quy hoạch bao gồm 08 tỉnh, thành phố: Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Thuận, Ninh Thuận, thành phố Hồ Chí Minh và một phần tỉnh Long An, với tổng diện tích 39.267 km², dân số khoảng 19,5 triệu người.

II. QUAN ĐIỂM

Quy hoạch phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của vùng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

Quy hoạch thủy lợi góp phần bảo vệ, phát triển nguồn nước trên các lưu vực sông; kết hợp hài hòa giải pháp công trình và phi công trình, nhất là các giải pháp về quản lý, khai thác công trình thủy lợi; hạn chế tác hại do nước gây ra, nhất là hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.

Các phương án quy hoạch phát triển thủy lợi phải kế thừa các quy hoạch trước đây là những phương án “mở” có thể điều chỉnh, bổ sung. Đầu tư xây dựng công trình có tác dụng lâu dài, không hồi tiếu.

Quy hoạch thủy lợi góp phần phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế-xã hội; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; góp phần hiện đại hóa cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Huy động nguồn lực từ ngân sách Nhà nước, kết hợp với các nguồn vốn hợp pháp khác, đóng góp của người dân vùng hưởng lợi; lồng ghép triển khai thực hiện giữa các ngành, chương trình để đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch.

III. MỤC TIÊU

Đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 bảo đảm cấp và tạo nguồn cấp nước cho 430.000 ha đất nông nghiệp, tiến tới chủ động cấp nước cho 147.000 ha diện tích lúa 2 vụ, 63.000 ha cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản.

Bảo đảm tiêu, thoát nước và chống ngập cho 114.000 ha diện tích đất nông nghiệp và 58.000 ha khu vực đô thị.

Tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho khoảng 20 triệu người.

Nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai, bão, lũ, ngập lụt, chủ động phòng, chống, né tránh hoặc thích nghi để giảm thiểu tổn thất, bảo vệ an toàn cho dân cư, sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng.

Từng bước nâng cao khả năng chống lũ của các hệ thống đê sông. Bảo đảm an toàn công trình hồ chứa, đê, kè, cống, ổn định bờ sông.

IV. PHÂN VÙNG QUY HOẠCH

Vùng I: Phần thượng- trung lưu lưu vực sông Đồng Nai đến hợp lưu sông Đồng Nai- sông Bé và hồ Dầu Tiếng trên sông Sài Gòn thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bình Thuận và Tây Ninh. Vùng có địa hình cao, dốc. Tác động của biến đổi khí hậu ở vùng này chủ yếu tới chế độ dòng chảy hệ thống sông, suối.

Vùng II: Phần hạ lưu lưu vực sông Đồng Nai, kể từ sau hợp lưu Đồng Nai- sông Bé, hạ lưu đập Dầu Tiếng, sông Vàm Cỏ thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh và Long An. Vùng có địa hình thấp trũng, dòng chảy chịu tác động mạnh của thủy triều và xâm nhập mặn.

Ngoài những tác động do thay đổi chế độ dòng chảy thượng lưu, vùng này còn chịu tác động mạnh mẽ từ nước biển dâng.

Vùng III: Các lưu vực sông ven biển các tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Thuận và Ninh Thuận. Vùng có hệ thống sông, suối ngắn, dốc và độc lập nhau. Tác động của biến đổi khí hậu ở vùng này chủ yếu tới chế độ dòng chảy và đây là vùng có thời tiết khí hậu khô hạn nhất cả nước.

V. TIÊU CHUẨN TÍNH TOÁN

Nâng dần mức đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp từ 75% lên 85%; cấp nước cho dân sinh, công nghiệp với mức đảm bảo 90%. Mức đảm bảo tiêu thoát nước là 10%.

Đảm bảo chống lũ chính vụ với tần suất 5%.

Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng ứng với mức phát thải trung bình (B2) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật, công bố.

VI. GIẢI PHÁP QUY HOẠCH

1. Giải pháp tổng thể

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các hồ chứa lớn trên các dòng chính nhằm khai thác tiềm năng nguồn nước, chủ động điều tiết, điều hòa nguồn nước giữa mùa mưa và mùa khô, giữa vùng nhiều nước và vùng ít nước, bảo đảm hài hòa nguồn nước cho các địa phương trong vùng.

(Chi tiết theo Phụ lục 1)

Đầu tư xây dựng mới các hồ chứa quy mô vừa và nhỏ trên các sông nhánh, sông ven biển nhằm khai thác nguồn nước tại chỗ, kết hợp các giải pháp khai thác nước dưới đất để cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản.

Nghiên cứu đề xuất giải pháp cấp nước từ hồ chứa thủy điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao.

Đối với tỉnh Ninh Thuận- Bình Thuận, ngoài đầu tư xây dựng hồ chứa cần xem xét giải pháp kết nối, liên thông hồ chứa bằng đường ống, kênh dẫn chuyên nước nhằm điều hòa nguồn nước cho từng khu vực.

Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công chống ngập úng cho thành phố Hồ Chí Minh.

Từng bước xem xét kiến nghị chuyển đổi nhiệm vụ của hệ thống các công trình hồ chứa lớn trên các dòng chính từ nhiệm vụ phát điện sang cấp nước hoặc phòng, chống lũ.

2. Giải pháp theo từng vùng

a) Vùng I (khu vực thượng, trung lưu lưu vực sông Đồng Nai)

Về cấp nước:

- Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống bậc thang hồ chứa lớn trên các dòng chính gồm:

+ Tỉnh Bình Thuận: hồ La Ngà 3 trên sông La Ngà (tận dụng nguồn nước sau thủy điện Hàm Thuận- Đa Mi, dung tích 435 triệu m³), đập dâng Võ Đất thuộc tỉnh Bình Thuận (tận dụng dòng chảy sau đập Tà Pao), xem xét nâng cao đập Tà Pao;

+ Tỉnh Bình Dương: hồ Cây Chanh trên sông Bé (tận dụng dòng chảy sau hồ Phước Hòa, dung tích 8 triệu m³).

- Đề xuất xây dựng hồ chứa quy mô vừa và nhỏ trên các dòng nhánh lưu vực sông Đồng Nai, sông Bé, sông La Ngà và sông Sài Gòn kết hợp khai thác nước dưới đất tại chỗ phục vụ dân sinh và sản xuất.

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp cấp nước từ hồ chứa thủy điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao.

- Tiếp tục nghiên cứu giải pháp nâng cao trình độ đập của hồ Dầu Tiếng.

Về phòng chống lũ, ngập lụt: Sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa các hồ chứa, đập dâng đảm bảo an toàn trong mùa mưa, lũ.

- Vùng ngập Cát Tiên- Đa Tẻ- Tà Lài: Hoàn chỉnh hệ thống đê và các công trình dưới đê sông Đồng Nai, bổ sung một số trạm bơm tiêu úng hỗ trợ tại một số khu vực thấp trũng.

- Vùng ngập hạ du sông La Ngà:

+ Xây dựng hồ La Ngà 3 trên dòng chính với dung tích phòng lũ 50 triệu m³ nhằm giảm lũ cho hạ du sông La Ngà.

+ Lên đê kiểm soát lũ cho những diện tích ngập nông (khoảng dưới 1,5m) thuộc huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận và huyện Định Quán, Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

b) Vùng II (khu vực hạ lưu lưu vực sông Đồng Nai)

Về cấp nước:

- Chủ động điều tiết nước trên các bậc thang công trình trên dòng chính nhằm cấp nước cho dân sinh, công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, tham gia đầy mặn và giảm ô nhiễm nguồn nước vùng hạ du Đồng Nai- Sài Gòn. Tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 24/3/2016.

- Hoàn chỉnh dự án thủy lợi Phước Hòa; nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa, đập dâng trong vùng.

- Xây dựng hệ thống công trình thủy lợi nội đồng theo quy hoạch chi tiết của các tỉnh. Tổng diện tích tưới tăng thêm khoảng 42.000 ha.

- Xây dựng hệ thống đê và công trình dưới đê (cống, trạm bơm) ven sông, kênh, rạch kết hợp ngăn lũ, triều cường, cấp nước, tiêu thoát nước. Tổng diện tích được bảo vệ tăng thêm khoảng 89.000 ha.

- Hoàn chỉnh, mở rộng các hệ thống tưới hiện có nhằm nâng cao hiệu quả công trình.

- Việc đầu tư hệ thống công trình thủy lợi từ hồ Dầu Tiếng cung cấp nước cho khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông phải tận dụng tối đa nguồn nước tại chỗ (bằng các hệ thống trạm bơm lấy trực tiếp nước từ sông Vàm Cỏ Đông) kết hợp nguồn nước chuyển từ hồ Dầu Tiếng với lưu lượng 12,14 m³/s. Hạn chế tối đa việc xả nước hồ Dầu Tiếng vào sông Vàm Cỏ để đầy mặn nhằm tiết kiệm nguồn nước.

Về phòng, chống lũ, triều cường:

- Khu vực thành phố Hồ Chí Minh: Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống công trình chống ngập theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực sông Vàm Cỏ Đông: Nâng cấp và xây mới tuyến đê sông Vàm Cỏ Đông với cao trình từ 2,2 đến 2,5m; bề rộng mặt đê từ 10-12 m, có kết hợp giao thông.

- Khu vực ven sông Sài Gòn- Thị Tính- Đồng Nai tỉnh Bình Dương:

+ Nâng cấp, hoàn chỉnh các tuyến đê sông gồm: tuyến Tân An- Chánh Mỹ bảo đảm cao trình và bề rộng theo thiết kế.

+ Đầu tư xây dựng mới 5 cống ngăn triều trên sông Sài Gòn: Rạch Vĩnh Bình, Lái Thiêu, Bình Nhâm, Vàm Búng, Bà Lụa chống ngập úng cho tỉnh Bình Dương.

- Khu vực ven sông Đồng Nai thuộc tỉnh Đồng Nai: Nâng cấp tuyến đê ven sông Đồng Nai từ Bến Gỗ đến cửa Lá Buông đạt cao trình vượt lũ tần suất 5% kết hợp bảo vệ dân cư, sản xuất nông nghiệp và xây dựng các cống nhỏ dưới đê.

c) Vùng III (khu vực các sông ven biển thuộc tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Thuận, Ninh Thuận)

Về cấp nước:

- Đầu tư xây dựng các công trình hồ chứa lợi dụng tổng hợp nguồn nước gồm:

+ Tỉnh Ninh Thuận: hồ sông Than (dung tích 100 triệu m³), hồ Tân Mỹ 2 (dung tích 2 triệu m³).

+ Tỉnh Bình Thuận: hồ Tân Lê (dung tích 10 triệu m³), hồ Sông Lũy (dung tích 156 triệu m³), hồ Cà Tót (dung tích 47 triệu m³), hồ Ka Pét (dung tích 50 triệu m³), hồ Sông Phan (dung tích 30 triệu m³).

- Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Tân Mỹ bao gồm: hồ Sông Cái (dung tích 210 triệu m³) và tuyến ống cấp nước.

- Đầu tư xây dựng hệ thống kênh, đường ống nối mạng liên hồ:

+ Tỉnh Ninh Thuận: tuyến Tân Giang- Sông Biều- Suối Lớn; tuyến Sông Than- Lanh Ra và các hồ phía Nam tỉnh Ninh Thuận và khu vực ven biển; Đầu

tư hệ thống đường ống tiếp nhận nguồn nước từ hệ thống thủy lợi Tân Mỹ bổ sung cho khu vực phía Nam của tỉnh.

+ Tỉnh Bình Thuận: tuyến Lòng Sông- Đá Bạc; tuyến Cà Giây- Cây Cà; tuyến Biên Lạc- Hàm Tân- Hàm Thuận Nam; tuyến Ka Pét- Sông Móng- Đu Đủ.

- Hệ thống công trình chuyển nước tới vùng ven biển tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận.

- Sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa hồ chứa, đập dâng bảo đảm an toàn, hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng các công trình nhằm tận dụng tối đa, hiệu quả nguồn nước sau phát điện của các công trình thủy điện lớn trong vùng như: thủy điện Đa Nhim chuyển nước cho sông Cái tỉnh Ninh Thuận; thủy điện Đại Ninh chuyển nước cho sông Lũy tỉnh Bình Thuận.

Về phòng chống lũ:

- Lưu vực sông Cái Phan Rang:

+ Đối với trục tiêu sông Quao và sông Lu: Nạo vét và mở rộng trục tiêu sông Quao, sông Lu hoàn chỉnh theo thiết kế. Xây dựng hoàn chỉnh các cống tiêu và đê bao, bờ bao hai bên bờ sông theo thiết kế.

+ Khu tiêu suối Kiên Kiên: Xây dựng hồ Kiên Kiên, đồng thời nạo vét, khai thông trục tiêu, thoát lũ theo hướng đầm Nai, tránh ngập lũ cho Quốc lộ 1.

- Lưu vực sông Lòng Sông: Hồ Sông Lòng Sông là công trình có khả năng cắt giảm đỉnh lũ với tần suất 1%, và để tăng hiệu quả cắt giảm lũ, cần xem xét quy trình vận hành cho hồ này.

- Lưu vực sông Lũy: Xây dựng các hồ chứa ở thượng nguồn như hồ Sông Lũy, hồ Cà Tót, hồ Ma Hỷ. Hồ Sông Lũy có khả năng cắt giảm đỉnh lũ với tần suất 1%.

- Lưu vực sông Quao: Hồ Sông Quao có khả năng cắt giảm đỉnh lũ với tần suất 1%. Tiếp tục nạo vét các sông, suối nhằm tăng khả năng tiêu thoát, mở rộng khẩu độ thoát nước qua các tuyến đường bộ, đường sắt...

- Lưu vực sông Cà Ty: Xây dựng kè bờ sông bảo vệ thành phố Phan Thiết nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và tạo cảnh quan đô thị. Xem xét đầu tư hồ Ka Pét nhằm cắt giảm đỉnh lũ cho hạ du.

- Lưu vực sông Phan: Xây dựng mới hồ Sông Phan nhằm cắt giảm đỉnh lũ trên sông Phan với tần suất 1%.

- Lưu vực sông Dinh: Hồ Sông Dinh có khả năng cắt giảm đỉnh lũ với tần suất 1%. Xem xét đầu tư các tuyến đê kè bảo vệ thị xã La Gi và cụm dân cư tập trung nhằm tránh thiệt hại do lũ gây ra.

- Lưu vực Sông Ray: Xây dựng tuyến đê sông Ray và Nam sông Kinh để bảo vệ khu vực nuôi trồng thủy sản và trồng lúa của nhân dân.

3. Giải pháp phi công trình

Đề xuất chính sách hỗ trợ giải pháp cấp nước từ hồ chứa thủy điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hồ chứa nhỏ, thủy lợi nội đồng, công trình khai thác nước dưới đất; đầu tư xây dựng công trình thủy lợi theo hình thức đối tác công tư; và hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo thiên tai như hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, triều cường, sạt lở, bồi lắng, gió bão, mưa lớn, biến đổi khí hậu, nước biển dâng... để tổ chức các giải pháp ứng phó.

Xây dựng các bản đồ thiên tai như hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ lụt, ngập lụt, úng, triều cường, sạt lở, bồi lắng, ô nhiễm nguồn nước.

Thực hiện tốt quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng các loại cây trồng ít nước, ứng dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Tuyên truyền, phổ biến cộng đồng dân cư trong khu vực đề phòng, chống thiên tai.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện quy hoạch

Tổng vốn đầu tư thực hiện quy hoạch: 28.260 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2030: 20.875 tỷ đồng.
- Giai đoạn sau năm 2030: 7.385 tỷ đồng.

(Kèm theo Phụ lục 2)

2. Nguồn vốn đầu tư

Vốn thực hiện hoạch được cân đối từ vốn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA), đóng góp của người dân vùng hưởng lợi, lồng ghép trong thực hiện quy hoạch các Bộ, ngành, các chương trình mục tiêu và các nguồn vốn hợp pháp khác.

VIII. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Căn cứ nội dung quy hoạch và khả năng ngân sách, cân đối ngân sách Nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước sắp xếp thứ tự ưu tiên, bảo đảm đầu tư đồng bộ và có hiệu quả, cụ thể theo trình tự ưu tiên sau:

Các công trình phục vụ đa mục tiêu, đã được đề xuất trong kế hoạch trung hạn và dài hạn, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; các công trình cấp

bách, có hiệu quả cao, phục vụ các chương trình trọng điểm về phát triển kinh tế-xã hội của vùng.

Các công trình sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa nhằm đảm bảo an toàn công trình và phát huy hiệu quả.

Các công trình theo Quyết định số 1547/2008/QĐ-TTg ngày 28/10/2008 chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

Các công trình thuộc chương trình đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố, hướng dẫn, chỉ đạo và thực hiện mục tiêu, nội dung, định hướng phát triển, giải pháp và quản lý quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch trên phạm vi địa bàn tỉnh; chỉ đạo, tổ chức xử lý, giải tỏa các công trình xâm hại, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật; thực hiện tốt công tác trồng, bảo vệ rừng đầu nguồn và rừng phòng hộ ven biển, cây chắn sóng bảo vệ đê biển.

- Chủ động bố trí, huy động các nguồn vốn và lồng ghép vốn các chương trình để thực hiện quy hoạch.

- Trên cơ sở của quy hoạch này, triển khai lập quy hoạch tỉnh (Hợp phần thủy lợi) phù hợp với Luật Quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương; Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa- Vũng Tàu, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, TCTL, KH (30b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Văn Thắng

Phụ lục I
DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRÊN DÒNG CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **4326/QĐ-BNN-TCTL** ngày **02** tháng **11** năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Nhiệm vụ	Năng lực phục vụ (ha)	Thông số	
						Dung tích (triệu m ³)	MNDBT (m)
1	Hồ sông Than	Ninh Sơn-Ninh Thuận	Sông Cái	Tưới, cấp nước	3.000	100	+140
2	Hồ Tân Mỹ 2	Ninh Sơn-Ninh Thuận	Sông Cái	Tưới, cấp nước	500	2	+48
3	Hồ Tân Lê	Tuy Phong-Bình Thuận	Sông Lòng Sông	Tưới, cấp nước	350	10	+191
4	Hồ Sông Lũy	Bắc Bình-Bình Thuận	Sông Lũy	Tưới, cấp nước	4.800	156	+126
5	Hồ Cà Tót	Bắc Bình-Bình Thuận	Sông Lũy	Tưới, cấp nước	1.500	47	+85
6	Hồ Ka Pét	Hàm Thuận Nam- Bình Thuận	Sông Cà Ty	Tưới, cấp nước	1.300	50	+136
7	Hồ Sông Phan	Hàm Tân-Bình Thuận	Sông Phan	Tưới, cấp nước	3.650	30	+74
8	Hồ La Ngà 3	Tánh Linh-Bình Thuận	Sông La Ngà	Tưới, cấp nước	78.800	435	+162
9	Đập dâng Võ Đất	Đức Linh-Bình Thuận	Sông La Ngà	Tưới, cấp nước	24.200	2	+103
10	Hồ Tân Hòa	Đồng Phú-Bình Phước	Sông Bé	Tưới, cấp nước	1.000	5	+100
11	Hồ Phước Quả	Phước Long-Bình Phước	Sông Bé	Tưới, cấp nước	90	11	+225
12	Hồ Cây Chanh	Tân Uyên, Bình Dương	Sông Bé	Tưới, cấp nước	5.000	8	+16

Ghi chú: Quy mô, kinh phí xây dựng công trình trong quy hoạch được sơ bộ tính toán, sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án

w

Phụ lục II
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030
VÀ SAU NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4326/QĐ-BNN-TCTL ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng (huyện)	Nhiệm vụ	Kinh phí xây dựng (tỷ đồng)			Ghi chú
				Tổng	Đến 2030	Sau 2030	
	Toàn vùng dự án			28.260	20.875	7.385	
I	Tỉnh Ninh Thuận			3.825	3.825	0	
1	Hồ Đa Mây	Bắc Ái	Tưới, cấp nước	450	450		Xây dựng mới
2	Cụm công trình thủy lợi huyện Thuận Bắc	Thuận Bắc	Tưới, cấp nước	150	150		Xây dựng mới
3	Cụm công trình thủy lợi huyện Ninh Sơn	Ninh Sơn	Tưới, cấp nước	1.200	1.200		Xây dựng mới
4	Hồ sông Than	Ninh Sơn	Tưới, cấp nước	Đã ghi vốn trong Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020			Xây dựng mới
5	Hồ Tân Mỹ 2	Ninh Sơn	Tưới, cấp nước	200	200		Xây dựng mới
6	Cụm công trình thủy lợi huyện Ninh Phước	Ninh Phước	Tưới, cấp nước	325	325		Xây dựng mới
7	Hồ Tân Giang 2	Thuận Nam	Tưới, cấp nước	1.000	1.000		Xây dựng mới
8	Hồ Phước Hà	Thuận Nam	Tưới, cấp nước	500	500		Xây dựng mới
II	Tỉnh Bình Thuận			9.880	7.380	2.500	
1	Hồ Tân Lê	Tuy Phong	Tưới, cấp nước	350	350		Xây dựng mới
2	Hồ Đá Bạc Thượng	Tuy Phong	Tưới, cấp nước	450		450	Xây dựng mới
3	Hồ Tà Hoàng	Tuy Phong	Tưới, cấp nước	420		420	Xây dựng mới
4	Hồ Sông Lũy	Bắc Bình	Tưới, cấp nước	Đã ghi vốn trong Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020			Xây dựng mới
5	Hồ Ca Tót	Bắc Bình	Tưới, cấp nước	750	750		Xây dựng mới
6	Hồ Ka Pét	Hàm Thuận Nam	Tưới, cấp nước	480	480		Xây dựng mới
7	Hồ Sông Phan	Hàm Tân	Tưới, cấp nước	1.200		1.200	Xây dựng mới
8	Hồ La Ngà 3	Tánh Linh	Tưới, cấp nước	5.800	5.800		Xây dựng mới

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng (huyện)	Nhiệm vụ	Kinh phí xây dựng (tỷ đồng)			Ghi chú
				Tổng	Đến 2030	Sau 2030	
9	Hồ Măng Tố	Tánh Linh	Tưới, cấp nước	330		330	Xây dựng mới
10	Hồ Võ Đất	Tánh Linh	Tưới, cấp nước	100		100	Xây dựng mới
III	Tỉnh Đồng Nai			1.960	1.960	0	
1	Cụm công trình thủy lợi huyện Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Tưới, cấp nước	115	115		Xây dựng mới
2	Cụm công trình thủy lợi phục vụ tưới mía huyện Định Quán	Định Quán	Tưới, cấp nước	Đã ghi vốn trong Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020			Xây dựng mới
3	Cụm công trình thủy lợi huyện Long Khánh	Long Khánh	Tưới, cấp nước	110	110		Xây dựng mới
4	Cụm công trình thủy lợi huyện Long Thành	Long Thành	Tưới, cấp nước	130	130		Xây dựng mới
5	Cụm công trình thủy lợi huyện Tân Phú	Tân Phú	Tưới, cấp nước	430	430		Xây dựng mới
6	Cụm công trình thủy lợi huyện Thống Nhất	Thống Nhất	Tưới, cấp nước	170	170		Xây dựng mới
7	Cụm công trình thủy lợi huyện Trảng Bom	Trảng Bom	Tưới, cấp nước	290	290		Xây dựng mới
8	Cụm công trình thủy lợi huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	Tưới, cấp nước	115	115		Xây dựng mới
9	Cụm công trình thủy lợi huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	Tưới, cấp nước	600	600		Xây dựng mới
IV	Tỉnh Bình Dương			5.285	1.635	3.650	
1	Hồ Cây Chanh		Tưới, cấp nước	150	0	150	Xây dựng mới
2	Cụm công trình thủy lợi huyện Bến Cát	Bến Cát	Tưới, cấp nước	120	120		Xây dựng mới
3	Cụm công trình thủy lợi huyện Dĩ An	Dĩ An	Tưới, cấp nước	360	360		Xây dựng mới
4	Cụm công trình thủy lợi huyện Tân Uyên	Tân Uyên	Tưới, cấp nước	195	195		Xây dựng mới
5	Cụm công trình thủy lợi thành phố Thủ Dầu Một	Thủ Dầu Một	Tưới, cấp nước	230	230		Xây dựng mới
6	Cụm công trình thủy lợi huyện Thuận An	Thuận An	Tưới, cấp nước	730	730		Xây dựng mới
7	Cụm công trình thủy lợi bờ tả sông Sài Gòn	Thủ Dầu Một, Thuận An	Tiêu và phòng lũ	3.500	0	3.500	Xây dựng mới

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng (huyện)	Nhiệm vụ	Kinh phí xây dựng (tỷ đồng)			Ghi chú
				Tổng	Đến 2030	Sau 2030	
V	Tỉnh Bình Phước			2.625	2.125	500	
1	Hồ Tân Hòa	Đồng Phú	Tưới, cấp nước	500	0	500	Xây dựng mới
2	Hồ Phước Quả	Phước Long	Tưới, cấp nước	150	150		Xây dựng mới
3	Cụm công trình thủy lợi các huyện vùng cao Bù Đăng, Bù Đốp, số 2 Bù Gia Mập	Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập	Tưới, cấp nước	Đã ghi vốn trong Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020			Xây dựng mới
4	Cụm công trình thủy lợi huyện Lộc Ninh	Lộc Ninh	Tưới, cấp nước	535	535		Xây dựng mới
5	Cụm công trình thủy lợi huyện Hớn Quản	Hớn Quản	Tưới, cấp nước	185	185		Xây dựng mới
6	Cụm công trình thủy lợi huyện thị xã Phước Long	Phước Long	Tưới, cấp nước	200	200		Xây dựng mới
7	Cụm công trình thủy lợi huyện Bình Long, Chơn Thành	Bình Long, Chơn Thành	Tưới, cấp nước	140	140		Xây dựng mới
8	Cụm công trình thủy lợi thị xã Đồng Xoài	Đồng Xoài	Tưới, cấp nước	300	300		Xây dựng mới
9	Cụm công trình thủy lợi huyện Đồng Phú	Đồng Phú	Tưới, cấp nước	325	325		Xây dựng mới
10	Cụm công trình thủy lợi huyện Bù Gia Mập	Bù Gia Mập	Tưới, cấp nước	290	290		Xây dựng mới
VI	Tỉnh Tây Ninh			1.595	1.595	0	
1	Cụm công trình thủy lợi huyện Tân Biên, Gò Dầu	Tân Biên, Gò Dầu	Tưới, cấp nước	150	150		Xây dựng mới
2	Cụm công trình thủy lợi huyện Tân Châu	Tân Châu	Tưới, cấp nước	170	170		Xây dựng mới
3	Cụm công trình thủy lợi, đê bao huyện Bến Cầu	Bến Cầu	Tưới, cấp nước	200	200		Xây dựng mới
4	Cụm công trình thủy lợi, đê bao huyện Châu Thành	Châu Thành	Tưới, cấp nước	180	180		Xây dựng mới
5	Cụm công trình thủy lợi, đê bao huyện Trảng Bàng	Trảng Bàng	Tưới, cấp nước	180	180		Xây dựng mới
6	Hệ thống kênh tưới Bến Cầu - Châu Thành	Bến Cầu - Châu Thành	Tưới, cấp nước	715	715		Xây dựng mới
VII	TP Hồ Chí Minh			1.390	1.390	0	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng (huyện)	Nhiệm vụ	Kinh phí xây dựng (tỷ đồng)			Ghi chú
				Tổng	Đến 2030	Sau 2030	
1	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Rạch Tra	Cù Chi	Tưới, cấp nước	185	185		Nâng cấp, sửa chữa
2	Nâng cấp hệ thống Hóc Môn – Bắc Bình Chánh	Cù Chi	Tưới, cấp nước	690	690		Nâng cấp, sửa chữa
3	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Nam Rạch Tra	Cù Chi	Tưới, cấp nước	265	265		Nâng cấp, sửa chữa
4	Nâng cấp hệ thống Bến Muong Láng The	Hóc Môn, Quận 12	Tưới, cấp nước	250	250		Nâng cấp, sửa chữa
III	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu			1.700	965	735	
1	Cụm công trình thủy lợi huyện Xuyên Mộc	Xuyên Mộc	Tưới, cấp nước	250	250		Xây dựng mới
2	Hệ thống đê sông Đất Đỏ	Đất Đỏ	Tiêu và phòng lũ	70		70	Xây dựng mới
3	Hệ thống đê kè Long Điền	Long Điền	Tiêu và phòng lũ	370	370		Xây dựng mới
4	Hệ thống đê kè TP. Vũng Tàu	TP. Vũng Tàu	Tiêu và phòng lũ	345	345		Xây dựng mới
5	Hệ thống đê kè TP. Bà Rịa	TP. Bà Rịa	Tiêu và phòng lũ	665		665	Xây dựng mới

Ghi chú:

- Quy mô, kinh phí xây dựng công trình trong quy hoạch được sơ bộ tính toán, sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án
- Vốn trung hạn: Vốn đã bố trí trong kế hoạch 2016-2020